

**BẢNG ĐÁP ÁN**

01.A	02. B	03. B	04. C	05. C	06. C	07. B	08. C	09. B	10. A
11. B	12. A	13. A	14. D	15. B	16. A	17. C	18. B	19. B	20.B
21.C	22. C	23. C	24. D	25. D	26. C	27. B	28. C	29.C	30.B
31. D	32. B	33. C	34. B	35. D	36. D	37. C	38. D	39. C	40. D
41. C	42. C	43.A	44. D	45.A	46. D	47.A	48.B	49.C	50. C

**GIẢI CHI TIẾT ĐỀ TỔNG HỢP 7**

**Câu 1 : Chọn đáp án A**

(a) Sai. Vì phản ứng theo hai hướng



(c) Sai. Vì  $\text{Fe} + \text{H}_2\text{O} \xrightarrow{t > 570^0} \text{FeO} + \text{H}_2 \uparrow$       $3\text{Fe} + 4\text{H}_2\text{O} \xrightarrow{t < 570^0} \text{Fe}_3\text{O}_4 + 4\text{H}_2 \uparrow$

(d) Sai. Nhôm là nguyên tố phổ biến thứ 3 sau oxi và silic.

(e) Sai. Ở nhiệt độ khoảng  $3000^0\text{C}$       $\text{N}_2 + \text{O}_2 \rightleftharpoons 2\text{NO}$

(f) Sai. Không thể dập đám cháy có Mg bằng  $\text{CO}_2$  vì  $2\text{Mg} + \text{CO}_2 \xrightarrow{t^0} \text{C} + 2\text{MgO}$  sau đó C cháy làm đám cháy càng to hơn.

(g) Sai. Vì  $\text{Ag}_3\text{PO}_4$  tan trong  $\text{HNO}_3$ .

(h) Sai. Vì Apatit có công thức là  $3\text{Ca}_3(\text{PO}_4)_2 \cdot \text{CaF}_2$  còn :  $\text{Ca}_3(\text{PO}_4)_2$  là photphorit.

**Câu 2 : Chọn đáp án B**

Các dung dịch thỏa mãn là :  $\text{Na}_2\text{S}$ ,  $\text{H}_2\text{SO}_4$  loãng,  $\text{H}_2\text{SO}_4$  đặc,  $\text{NH}_3$ ,  $\text{AgNO}_3$ ,  $\text{Na}_2\text{CO}_3$ ,  $\text{Br}_2$

Với  $\text{Na}_2\text{S}$  :  $\text{Fe}^{2+} + \text{S}^{2-} \rightarrow \text{FeS} \downarrow$

Chú ý : FeS tan trong axit mạnh loãng ( $\text{HCl}$ ,  $\text{H}_2\text{SO}_4$ ...) nếu thay  $\text{Na}_2\text{S}$  bằng  $\text{H}_2\text{S}$  thì sẽ không có phản ứng.

Với  $\text{H}_2\text{SO}_4$  loãng,  $\text{H}_2\text{SO}_4$  đặc :  $3\text{Fe}^{2+} + \text{NO}_3^- + 4\text{H}^+ \rightarrow 3\text{Fe}^{3+} + \text{NO} + 2\text{H}_2\text{O}$

Chú ý : Dù axit đặc nhưng  $\text{Fe}(\text{NO}_3)_2$  là dung dịch nên axit đặc sẽ biến thành loãng.

Với  $\text{NH}_3$  :  $\text{Fe}^{2+} + 2\text{NH}_3 + 2\text{H}_2\text{O} \rightarrow \text{Fe}(\text{OH})_2 \downarrow + 2\text{NH}_4^+$

Với  $\text{AgNO}_3$  :  $\text{Fe}^{2+} + \text{Ag}^+ \rightarrow \text{Fe}^{3+} + \text{Ag}$

Với  $\text{Na}_2\text{CO}_3$  :  $\text{Fe}^{2+} + \text{CO}_3^{2-} \rightarrow \text{FeCO}_3 \downarrow$

Với  $\text{Br}_2$  :  $2\text{Fe}^{2+} + \text{Br}_2 \rightarrow 2\text{Fe}^{3+} + 2\text{Br}^-$

**Câu 3 : Chọn đáp án B**

(a) Chuẩn rồi vì công thức chung là  $\text{C}_n\text{H}_{2n}\text{O}_2$

(b) Sai ví dụ như  $\text{CCl}_4$  cũng là hợp chất hữu cơ.

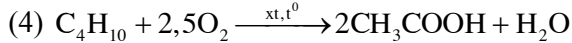
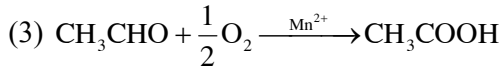
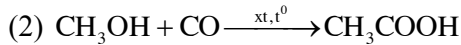
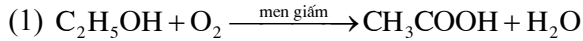
(c) Sai glucozo bị oxi hóa bởi  $\text{AgNO}_3$  trong  $\text{NH}_3$

(d) Sai còn thiếu điều kiện tính chất hóa học tương tự nhau

(e) Chuẩn .Theo SGK lớp 12.

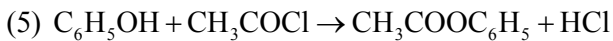
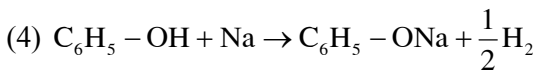
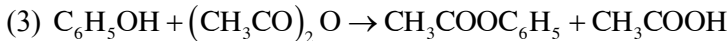
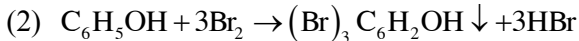
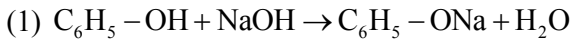
**Câu 4 : Chọn đáp án C**

Các chất thỏa mãn là :  $\text{CH}_3\text{CH}_2\text{OH}$ ;  $\text{CH}_3\text{OH}$ ;  $\text{CH}_3\text{CHO}$ ;  $\text{C}_4\text{H}_{10}$



**Câu 5 : Chọn đáp án C**

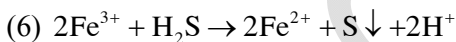
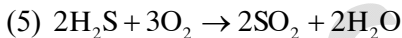
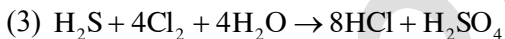
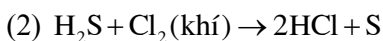
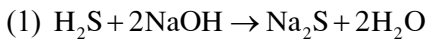
Các chất thỏa mãn là : NaOH, Br<sub>2</sub> ; (CH<sub>3</sub>CO)<sub>2</sub>O; Na, CH<sub>3</sub>COCl .



**Câu 6 : Chọn đáp án C**

Số trường hợp xảy ra phản ứng là: dung dịch NaOH, khí clo, nước clo, dung dịch KMnO<sub>4</sub> / H<sup>+</sup> ; khí oxi dư đun nóng, dung dịch FeCl<sub>3</sub>.

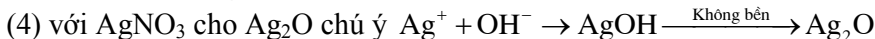
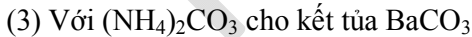
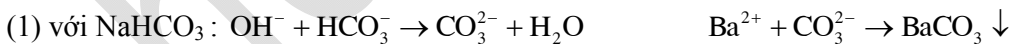
Các phương trình phản ứng :



**Câu 7 : Chọn đáp án B**

Số dung dịch tạo kết tủa là : NaHCO<sub>3</sub> ; CuSO<sub>4</sub> ; (NH<sub>4</sub>)<sub>2</sub>CO<sub>3</sub> ; AgNO<sub>3</sub>

Chú ý khi cho Ba vào dung dịch thì có : Ba + 2H<sub>2</sub>O → Ba(OH)<sub>2</sub> + H<sub>2</sub>



**Câu 8 : Chọn đáp án C**

Trong chương trình phổ thông các chất tác dụng được với Cu(OH)<sub>2</sub> là :

Axit , ancol đa chức hay các hợp chất có nhiều nhóm OH kề nhau.

andehit (đúng nóng trong kiềm)

Peptit có từ 3 mắt xích trở lên. Vậy các chất thỏa mãn là : saccarozơ, 3-monoclopropan-1,2-diol,

etylen glycol, anbumin

**Câu 7.** Cho Ba vào các dung dịch riêng biệt sau đây : NaHCO<sub>3</sub> ; CuSO<sub>4</sub> ; (NH<sub>4</sub>)<sub>2</sub>CO<sub>3</sub> ; NaNO<sub>3</sub> ; AgNO<sub>3</sub> ; NH<sub>4</sub>NO<sub>3</sub>. Số dung dịch tạo kết tủa là :

A. 3

B. 4

C. 5

D. 6

**Câu 9: Chọn đáp án B**

Chú ý : amin có liên kết H với nước nhưng không có liên kết H với nhau.

Các chất có thể tạo liên kết H với nhau là: metanol, phenol, axit valeric, fomanđehit

**Câu 10. Đáp án A**

- (a) Sai : ví dụ benzen
- (b) Đúng
- (c) Đúng
- (d) Sai : Đồng phân khác với công thức cấu tạo
- (e) Sai : phản ứng hữu cơ thường chậm và thuận nghịch
- (g) Sai : vì mới chỉ có  $3\pi$

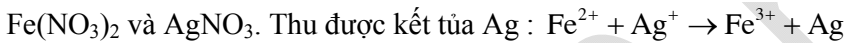
**Câu 11 : Chọn đáp án B**

Ba và  $Al_2O_3$  thu được dung dịch vì



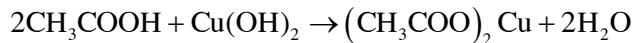
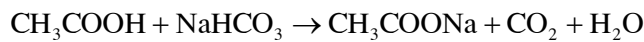
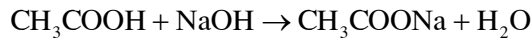
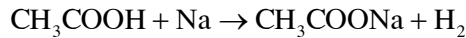
Cu và  $Fe_3O_4$  Cả hai chất này đều không tác dụng (tan) trong nước

NaCl và  $KHSO_4$ ; Thu được dung dịch vì cả hai muối đều tan

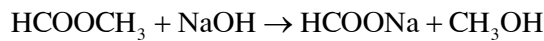


**Câu 12 : Chọn đáp án A**

$CH_3 - COOH$  : 4 phản ứng

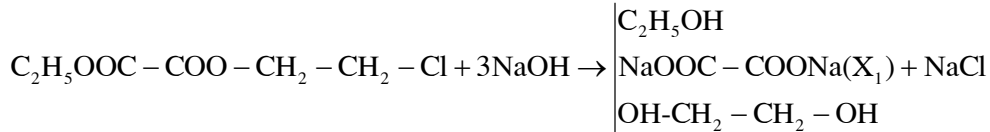


$HCOO - CH_3$  : 1 phản ứng

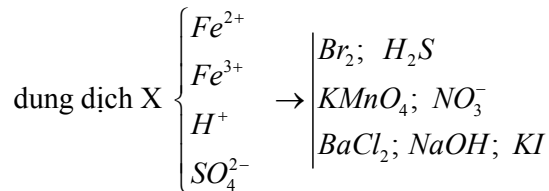


**Câu 13. Đáp án A**

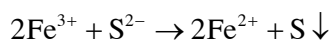
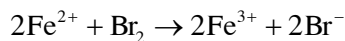
$X_1, X_2, X_3$  có cùng số nguyên tử các bon nên mỗi chất phải có 2 nguyên tử các bon

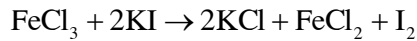
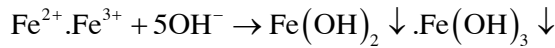
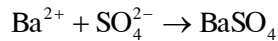
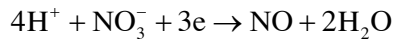
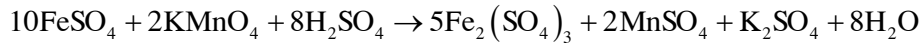


**Câu 14. Đáp án D**

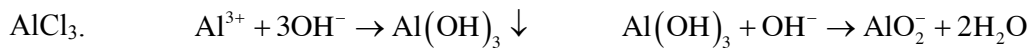
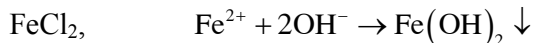
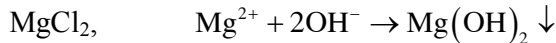
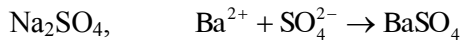


Các phản ứng xảy ra là :



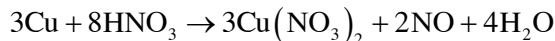


**Câu 15 : Chọn đáp án B**



**Câu 16 : Chọn đáp án A**

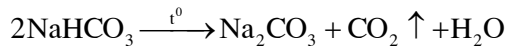
(a) Cho đồng kim loại vào dung dịch  $\text{HNO}_3$  đặc, nguội.



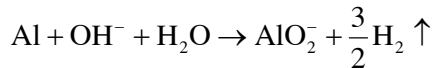
(b) Cho  $\text{PbS}$  vào dung dịch  $\text{H}_2\text{SO}_4$  loãng.

*Không xảy ra phản ứng. Nhớ  $\text{CuS}$  và  $\text{PbS}$  không tan trong axit loãng.*

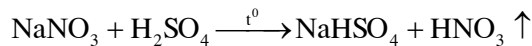
(c) Đun nhẹ dung dịch  $\text{NaHCO}_3$ .



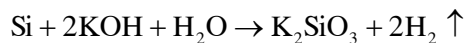
(d) Cho mẫu nhôm vào dung dịch  $\text{Ba}(\text{OH})_2$ .



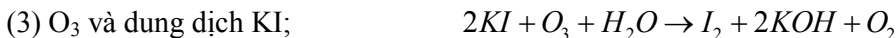
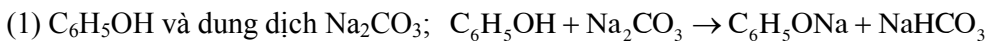
(e) Cho dung dịch  $\text{H}_2\text{SO}_4$  đặc tác dụng với muối  $\text{NaNO}_3$  (rắn), đun nóng.



(f) Cho Si tác dụng với dung dịch  $\text{KOH}$  loãng.



**Câu 17: Chọn đáp án C**

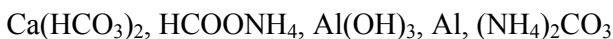


(4)  $\text{I}_2$  và hồ tinh bột; *Hiện tượng màu này là hiện tượng vật lý*

(5)  $\text{H}_2\text{S}$  và dung dịch  $\text{ZnCl}_2$ . *Không xảy ra phản ứng.*

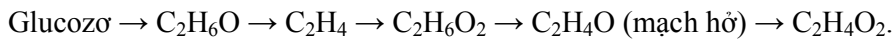
**Câu 18: Chọn đáp án B**

Số chất vừa tác dụng được với dung dịch  $\text{NaOH}$  loãng vừa tác dụng với dung dịch  $\text{HCl}$  là:



Chú ý :  $\text{Cr}_2\text{O}_3$  chỉ có thể tan trong kiềm đặc

**Câu 19: Chọn đáp án B**

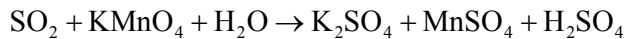
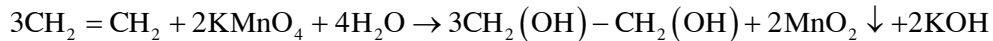


Các chất thỏa mãn là Glucozo; HO-CH<sub>2</sub>-CH<sub>2</sub>-OH; CH<sub>3</sub>CHO; CH<sub>3</sub>COOH

**Câu 20: Chọn đáp án B**

Br<sub>2</sub> Không thể phân biệt được vì đều bị mất màu

KMnO<sub>4</sub> thỏa mãn vì C<sub>2</sub>H<sub>4</sub> có kết tủa :



Ca(OH)<sub>2</sub> thỏa mãn vì SO<sub>2</sub> cho kết tủa : SO<sub>2</sub> + Ca(OH)<sub>2</sub> → CaSO<sub>3</sub> + H<sub>2</sub>O

Dung dịch Br<sub>2</sub> trong nước thì không nhận biết được 2 khí tuy nhiên nếu trong CCl<sub>4</sub> thì lại nhận biết được. Câu này đề bài ra khá mập mờ.

**Câu 21: Chọn đáp án C**

etyl axetat, lòng trắng trứng, axit acrylic, phenol,  
phenylamoniclorua, p-crezol.

**Câu 22: Chọn đáp án C**

CH<sub>2</sub>=CHCOOH, CH<sub>2</sub>=CHCOOCCH<sub>3</sub>, CH<sub>2</sub>OH-CH<sub>2</sub>OH,  
HOOC(CH<sub>2</sub>)<sub>4</sub>COOH, HCHO.

**Câu 23: Chọn đáp án C**

Axit đơn chức có hai nối đôi trong mạch cacbon. (Có 3 liên kết pi) phải có CTPT dạng C<sub>n</sub>H<sub>2n-4</sub>O<sub>2</sub>

**Câu 24: Chọn đáp án D**

**Câu 25: Chọn đáp án D**

Số chất có thể tham gia phản ứng tráng gương là

fomanđehit, phenyl fomat, glucozơ, anđehit axetic, natri fomat,

Chú ý : chất có dạng HCOOR cũng có khả năng tham gia tráng gương.

**Câu 26: Chọn đáp án C**

A. Đúng vì : Điện tích hạt nhân của Mg lớn hơn nên nó hút các electron mạnh hơn.

B. Đúng. Theo SGK lớp 12

$$\text{C. Sai : } \begin{cases} n_{\text{X}^{2+}} = 0,2 \\ n_{\text{CO}_3^{2-}} = 0,15 \end{cases} \rightarrow n_{\downarrow} < n_{\downarrow}^{\text{max}}$$

D. Đúng (NH<sub>3</sub> không tạo phức với Al(OH)<sub>3</sub> cũng không hòa tan Al(OH)<sub>3</sub> )

**Câu 27: Chọn đáp án B**

Số chất trong dãy phản ứng được với nước brom là:

mantozơ, glucozơ, isobutilen,  
propanal, isopren, axit metacrylic,  
phenylamin, m-crezol, stiren,  
xiclopropan.

**Câu 28: Chọn đáp án C**

Chú ý : Không tồn tại hợp chất FeI<sub>3</sub>

**Câu 29: Chọn đáp án C**

Bao gồm các chất : Phenol; axitacrylic ; triolein vinylclorua axetilen

**Câu 30: Chọn đáp án B**

- 1; Sục khí F<sub>2</sub> vào H<sub>2</sub>O. (Có) 2; Nhiệt phân KNO<sub>3</sub>. (Có)  
3; Nhiệt phân Cu(OH)<sub>2</sub> (Không) 4; Cho Br<sub>2</sub> vào H<sub>2</sub>O. (Không)  
5; Điện phân dung dịch CuSO<sub>4</sub> (điện phân màng ngăn, điện cực trơ) (Có)  
6; Đun nóng dung dịch Ba(HCO<sub>3</sub>)<sub>2</sub>. (Không)

**Câu 31: Chọn đáp án D**

Chú ý : Tan chứ không phải phản ứng các bạn nhé !

KNO<sub>3</sub>      Al<sub>2</sub>O<sub>3</sub>;      Al;      Na;      KHCO<sub>3</sub> và      KHS.

**Câu 32: Chọn đáp án B**

Các chất là : propen;      xiclopropan;      stiren;      buta-1,3-đien.

**Câu 33: Chọn đáp án C**

$$M_x = 100 \rightarrow \begin{cases} X : \text{CH}_3 - \text{COO} - \text{CH}_2\text{CH} = \text{CH}_2 \\ Z : \text{CH}_3 - \text{COOK} \\ Y : \text{HOCH}_2\text{CH} = \text{CH}_2 \end{cases}$$

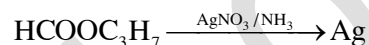
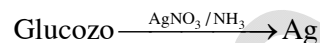
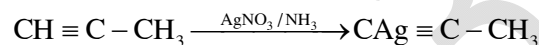
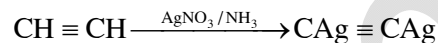
- A. Đúng vì X và Y đều có liên kết pi trong gốc hidrocarbon.  
B. Đúng Z là muối.  
C. Sai.X chỉ có 1 nhóm (-CH<sub>3</sub>)  
D. Đúng vì X có hai liên kết pi.

**Câu 34: Chọn đáp án B**

Cho các chất: etilenglycol;      axit fomic      glixerol;      axit oxalic ,      mantozơ.

**Câu 35: Chọn đáp án D**

axetilen,      propin,      andehit axetic,      glucozơ,      propyl fomat.

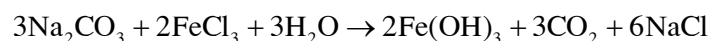


**Câu 36: Chọn đáp án D**

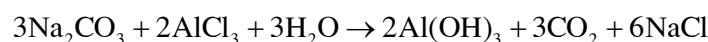
X là Na<sub>2</sub>CO<sub>3</sub>:



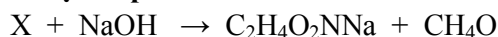
FeCl<sub>3</sub>, Cho Fe(OH)<sub>3</sub> và khí CO<sub>2</sub>



AlCl<sub>3</sub>. Cho Al(OH)<sub>3</sub> và khí CO<sub>2</sub>

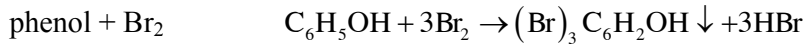


**Câu 37: Chọn đáp án C**



Nhìn vào 2 phương trình trên thấy ngay X có 3C do đó loại A, B ngay  
D thì không thể xảy ra được

**Câu 38: Chọn đáp án D**



axit acrylic+ etylen glicol      → Cho este đa chức

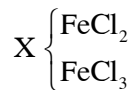
axit acrylic+ ancol etylic        → Cho este

axit acrylic+ Cu(OH)<sub>2</sub>          → Cho muối

axit acrylic+ dung dịch brom → CH<sub>2</sub>Br – CHBr – COOH

etylen glicol+ Cu(OH)<sub>2</sub>        → Cho phức chất màu xanh thẫm

**Câu 39: Chọn đáp án C**



Cu, Mg, AgNO<sub>3</sub>, Na<sub>2</sub>CO<sub>3</sub>, NaOH, NH<sub>3</sub>, KI, H<sub>2</sub>S

**Câu 40: Chọn đáp án D**

FeCl<sub>2</sub>,                                      Tạo Kết tủa FeS

CuCl<sub>2</sub>, Pb(NO<sub>3</sub>)<sub>2</sub>,                      Tạo kết tủa CuS ; PbS

ZnCl<sub>2</sub>, FeCl<sub>3</sub>, MnCl<sub>2</sub>.                Tạo kết tủa ZnS, S, MnS

**Câu 41 : Chọn đáp án C**

Các nhận định sai là :

(1) sai vì tính bazơ còn liên quan tới nhóm đẩy e, hút e trong phân tử amin...

(3) Sai vì alanin, anilin không đổi màu quỳ tím.

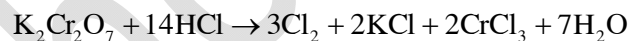
(5) Sai vì các dipeptit không có khả năng tạo phức với Cu(OH)<sub>2</sub>

(6) Sai vì là hợp chất hữu cơ tạp chức.

**Câu 42: Chọn đáp án C**

(1) Cho Sn vào dung dịch FeCl<sub>3</sub>.                      Sn + 2Fe<sup>3+</sup> → Sn<sup>2+</sup> + 2Fe<sup>2+</sup>

(2) Cho HCl vào dung dịch K<sub>2</sub>Cr<sub>2</sub>O<sub>7</sub>.



(3) Cho HI vào dung dịch K<sub>2</sub>CrO<sub>4</sub>.                      2CrO<sub>4</sub><sup>2-</sup> + 2H<sup>+</sup> ⇌ Cr<sub>2</sub>O<sub>7</sub><sup>2-</sup> + H<sub>2</sub>O

(4) Trộn lẫn CrO<sub>3</sub> với S                                      3S + 4CrO<sub>3</sub> → 3SO<sub>2</sub> + 2Cr<sub>2</sub>O<sub>3</sub>

(5) Cho Pb vào dung dịch H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub> loãng.                Không có phản ứng

**Câu 43: Chọn đáp án A**

Trong PTN cần số lượng mẫu thử ít nên người ta sẽ dùng phương pháp đơn giản. Do đó (b) không thỏa mãn.

**Câu 44: Chọn đáp án D**

(a) Phenol tan được trong dung dịch KOH.



(b) Trong các este mạch hở có công thức C<sub>4</sub>H<sub>6</sub>O<sub>2</sub> có một este được điều chế từ ancol và

axit                      tương ứng.                      Sai có 2 este      CH<sub>2</sub> = CH – COO – CH<sub>3</sub>      HCOO – CH<sub>2</sub> – CH = CH<sub>2</sub>

(c) Có thể phân biệt được chất béo lỏng và hexan bằng dung dịch NaOH, đun nóng.  
*Đúng. Vì chất béo tác dụng với NaOH sẽ tạo dung dịch đồng nhất.*

(d) Có thể chuyển dầu ăn thành mỡ bằng phản ứng hidro hóa.  
*Đúng. Theo SGK lớp 12*

(e) Tristearin không thể tác dụng với dung dịch axit đun nóng.  
*Sai. Vì este bị thủy phân trong dung dịch axit*

**Câu 45: Chọn đáp án A**

(1) than nóng đỏ và H<sub>2</sub>O       $C + H_2O \rightarrow CO + H_2$        $C + 2H_2O \rightarrow CO_2 + 2H_2$

(2) dung dịch Na<sub>2</sub>SiO<sub>3</sub> và CO<sub>2</sub> dư       $CO_2 + Na_2SiO_3 + H_2O \rightarrow H_2SiO_3 \downarrow + Na_2CO_3$

(3) hai dung dịch: KHSO<sub>4</sub> và Ca(HCO<sub>3</sub>)<sub>2</sub>;       $H^+ + HCO_3^- \rightarrow CO_2 + H_2O$

(4) SiO<sub>2</sub> và HF.       $SiO_2 + 4HF \rightarrow SiF_4 \uparrow + 2H_2O$

**Câu 46: Chọn đáp án D**

(1)  $CO_2 + H_2O + C_6H_5ONa \rightarrow C_6H_5OH + NaHCO_3$

(2)  $C_6H_5-OH + NaOH \rightarrow C_6H_5-ONa + H_2O$

(3)  $2CH_3COOH + Cu(OH)_2 \rightarrow (CH_3COO)_2Cu + 2H_2O$

(4)  $C_3H_5(OH)_3 + Cu(OH)_2 \rightarrow$  Có tạo phức chất màu xanh thẫm

(5)  $C_6H_5NH_3Cl + AgNO_3 \rightarrow AgCl \downarrow + C_6H_5NH_3NO_3$

(6)  $CO_2 + H_2O + CH_3COONa \rightarrow$  Không xảy ra phản ứng

(7)  $CH_3COOH + C_6H_5OH \rightarrow$  Không xảy ra phản ứng

(8)  $C_6H_5OH + HCHO \rightarrow$  Có phản ứng tạo PPF (phenol fomandehit)

**Câu 47: Chọn đáp án A**

(I) Sục khí H<sub>2</sub>S vào dung dịch FeCl<sub>2</sub>.

*Không xảy ra phản ứng vì FeS tan trong HCl*

(II) Sục khí SO<sub>2</sub> vào dung dịch KMnO<sub>4</sub>.

*Có phản ứng:  $5SO_2 + 2KMnO_4 + 2H_2O \rightarrow K_2SO_4 + 2MnSO_4 + 2H_2SO_4$*

(III) Sục khí CO<sub>2</sub> vào nước Gia-ven.



Có phản ứng :  $\text{NaClO} + \text{CO}_2 + \text{H}_2\text{O} \rightarrow \text{NaHCO}_3 + \text{HClO}$

(IV) Nhúng lá nhôm vào dung dịch  $\text{H}_2\text{SO}_4$  đặc, nguội.

Không phản ứng.

(V) Nhỏ dung dịch  $\text{AgNO}_3$  vào dung dịch  $\text{NaF}$ .

Không phản ứng ( $\text{AgF}$  là chất tan)

(VI) Nhúng thanh  $\text{Cu}$  vào dung dịch  $\text{FeCl}_3$ .

Có phản ứng :  $2\text{Fe}^{3+} + \text{Cu} \rightarrow 2\text{Fe}^{2+} + \text{Cu}^{2+}$

**Câu 48: Chọn đáp án B**

A. Để nhận biết  $\text{SO}_2$  và  $\text{SO}_3$  ta dùng dung dịch nước brom.

Đúng. Vì chỉ có  $\text{SO}_2$  làm mất màu nước brom.

B. Để nhận biết  $\text{NH}_3$  và  $\text{CH}_3\text{NH}_2$  ta dùng axit  $\text{HCl}$  đặc.

Sai. Vì đều tạo hiện tượng giống nhau là có khói trắng

C. Để nhận biết  $\text{CO}$  và  $\text{CO}_2$  ta dùng nước vôi trong.

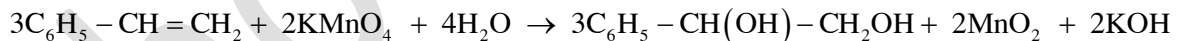
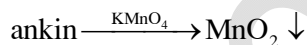
Đúng. Vì chỉ có  $\text{CO}_2$  tạo kết tủa.

D. Để nhận biết  $\text{O}_2$  và  $\text{O}_3$  ta dùng dung dịch  $\text{KI}$  có lẫn tinh bột.

Đúng. Vì chỉ có  $\text{O}_3$  phản ứng  $2\text{KI} + \text{O}_3 + \text{H}_2\text{O} \rightarrow \text{I}_2 + 2\text{KOH} + \text{O}_2$

**Câu 49: Chọn đáp án C**

Các chất có liên kết không bền hoặc có nhóm  $\text{CHO}$  sẽ làm mất màu thuốc tím ở nhiệt độ thường. Các chất thỏa mãn là : stiren, propilen, axetilen.



**Câu 50 : Chọn đáp án C**

Số thí nghiệm sau khi kết thúc, thu được sản phẩm có kết tủa là :

(1) Có kết tủa  $\text{AgCl}$

(3) Có kết tủa  $\text{S}$

(4) Có kết tủa  $\text{CuS}$

(5) Có kết tủa  $(\text{C}_{17}\text{H}_{35}\text{COO})_2\text{Ca}$

(9) Có kết tủa  $\text{CAg} \equiv \text{C}-\text{CH}=\text{CH}_2$